TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản số: **16**/2024/HNGĐ-ST Ngày: 05/02/2024 **“** V/v: Ly hôn, trA chấp về nuôi con”	

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn A Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thu và bà Trần ThA Vân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên**:** Không tham gia.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 670/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn, trA chấp về nuôi con ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1989

HKTT: TDP Đồng Tâm, phường Đồng Bẩm, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: A Lưu Mạnh C, sinh năm 1985

HKTT: TDP Đồng Tâm, phường Đồng Bẩm, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Nguyên đơn có mặt, vắng mặt bị đơn tại phiên tòa không lý do)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như H trình bày: Chị kết hôn với A Lưu Mạnh C, năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh T ..hái Nguyên. Trong quá trình chung sống, vợ cH sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đôi bên không còn thông cảm, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn càng trầm trọng và sống ly thân nhau từ năm 2022

đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ cH không còn, yêu cầu được ly hôn với A C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ cH có 03 con chung là Lưu Mộc Quế A, sinh ngày 05/08/2006; Lưu Mộc Tường V,sinh ngày 12/11/2009; Lưu Mộc Tuệ L, sinh ngày 29/3/2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả con chung Lưu Mộc Tuệ L, con 02 con Lưu Mộc Quế A và Lưu Mộc Tường V sẽ do hai con tự quyết định ở với bố hoặc mẹ là quyền ở các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho A C, yêu cầu A C đên Tòa án để giải quyết trA chấp ly hôn giữa chị H và A C. A C đã được thông báo, được đọc các văn bản tố tụng trên, nhưng A C từ chối nhận các văn bản tố tụng và vắng mặt tại phiên họp và phiên hòa giải không có lý do. Do vắng mặt tại phiên họp và phiên hòa giải nên A C không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy Tòa án lập biên bản không hòa giải được để làm căn cứ giải quyết vụ án. Do các đương sự đã không cùng nhau hòa giải và thỏa thuận được với các nội dung để giải quyết vụ án. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ cho nguyên đơn và bị đơn tham gia tố tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa A C vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa xét xử và ấn định thời gian mở lại phiên tòa cho chị H và A C.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với A C. Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả ba con chung do hai con chung Lưu Mộc Quế A và Lưu Mộc Tường V đều có nguyện vọng được ở với chị khi bố mẹ ly hôn, con bé nhất Lưu Mộc Tuệ L còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con, chị đề nghị tự thỏa thuận về vấn đề này, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa bị đơn A C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên không có ý kiến của A C. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với A C theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. Về tố tụng: Đây là trA chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho chị H và A C theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho A C quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên A C vẫn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với A C.

[**2**]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Như H và A Nguyễn Mạnh C kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ cH ly hôn theo chị H trình bày, vợ cH chỉ hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ lẫn nhau, vợ cH đã không còn cảm thông chia sẻ được với nhau trong cuộc sống. Vợ cH đã sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị H vẫn giữ nguyên quan điểm, dứt khoát yêu cầu được ly hôn với A C, xác định không còn tình cảm. Hội đồng xét xử thấy: Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, nay chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn với A C, A C mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử nên không lấy được ý kiến của A C và không tiến hành hòa giải được cho A C và chị H. Nhận thấy do mâu thuẫn vợ cH đã ở mức trầm trọng, có duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với A C là phù hợp với thực tế và Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình.

[**3**]**.** Về con chung: Quá trình chung sống A chị có 03 con chung, quá trình giải quyết vụ án, chị H có trình bày nguyện vọng được nuôi con bé nhất Lưu Mộc Tuệ L, còn hai con Lưu Mộc Quế A và Lưu Mộc Tường V do hai con có nguyện vọng ở với ai thì do hai con lựa chọn và quyết định. Theo đơn đề nghị của hai con Lưu Mộc Quế A và Lưu Mộc Tường V trình bày đều có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn xin được ở với mẹ, tại phiên tòa chị H cũng đề nghị được nuôi dưỡng cả ba con chung, xác định có đủ điều kiện để nuôi các con, tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. A C vắng mặt tại phiên tòa xét xử do vậy không có ý kiến về việc này. Xét thấy hiện cả ba con chung của chị H và

A C đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, các con đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Để đảm bảo quyền về mọi mặt cho các con chung của chị H và A C nên cần thiết giao cả ba con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị H đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

[**4**]. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, quá trình giải quyết vụ án, A C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày đề nghị gì. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung thì khởi kiện bằng vụ án khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[**5**]. Về án phí**:** Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như H về việc khởi kiện Ly hôn.

1. Quan hệ hôn nhân**:** Cho chị Nguyễn Thị Như H được ly hôn với A Lưu Mạnh C.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Lưu Mộc Quế A, sinh ngày 05/08/2006; Lưu Mộc Tường V, sinh ngày 12/11/2009; Lưu Mộc Tuệ L, sinh ngày 29/3/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. A C có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ cH có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002164 ngày 30/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo**:** Chị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. A C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnhTN;
- Đương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn A Thư

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn A Thư

Nguyễn A Thư

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán, chủ toạ phiên toà:*Bà Nguyễn Thị Thu Hà

* *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuân Viện
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Vào hồi 09 giờ, ngày 07/5/2019 tại Phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: A Dương A Dũng, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hà, cho chị Hà được ly hôn với A Dương A Dũng.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Dương Đức A, sinh ngày 28/9/2009 và Dương Khánh Ly, sinh ngày 04/5/2014, cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. A Dũng được quyền đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị Hà không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Hà phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007208 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Hà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. A Dũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**